



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

Kết quả phân tích mẫu thức ăn chăn nuôi

(Kèm theo Kết luận số 09/KL-SNN-TTr ngày 21/10/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Tên cơ sở lấy mẫu	Địa chỉ (xã, huyện)	Tên mẫu/Ký hiệu mẫu	Tên công ty sản xuất	Chỉ tiêu phân tích	HL ghi trên nhãn (% , min)	HL phân tích (%)	Tỷ lệ phân tích (%)	Độ dao động cho phép (±%)	Kết luận
1	Lê Thị Bích Thủy	Thuận Phú, Đồng Phú	TAHH cho heo con từ 7 ngày – 20kg – V881/TACN-01, NSX: 01/9/2022, HSD: 02 tháng kể từ ngày sản xuất	Công ty Dinh dưỡng Á Châu	Protein thô	19,5	18,5	94,87	4	Đạt
					Lysine tổng số	1,2	1,51	1,26	15	Đạt
2	Bùi Tấn Lợi	Chơn Thành, Chơn Thành	TAHH hoàn chỉnh dạng mảnh cho gà thịt (1-14 ngày tuổi) - 510/TACN-02, NSX: 04/9/2022, HSD: 60 ngày kể từ ngày sản xuất	Công ty CP	Protein thô	19	18,3	96,32	4	Đạt
					Lysine tổng số	1,1	1,23	111,82	15	Đạt
3	Nguyễn Thị Hoàng	An Lộc, Bình Long	TAHH LEAN MAX-1 cho heo thịt (từ 15-30kg) - 9104/TACN-03, NSX: 30/8/2022, HSD: 60 ngày kể từ ngày sản xuất	Công ty Greenfeed	Protein thô	17	16,6	97,65	4	Đạt
					Lysine tổng số	1,1	1,38	125,45	15	Đạt
4	Vũ Văn Hợp	Thanh Lương, Bình Long	TAHH cao cấp cho heo con từ 8-15kg – 21/TACN-04, NSX: 02/9/2022, HSD: 31/10/2022	Công ty Kyodo Sjitz	Protein thô	19,5	18,3	93,85	4	Không Đạt
					Lysine tổng số	1,15	1,17	101,17	15	Đạt



5	Lương Kim Hoàng	Lộc Thái, Lộc Ninh	TAHH cho heo thịt 15-25kg – 0918 New Hope/TACN-05, NSX: 13/9/2022, HSD: 60 ngày kể từ ngày sản xuất	Công ty New Hope	Protein thô	18	18,7	103,89	4	Đạt
					Lysine tổng số	1,2	1,35	112,5	15	Đạt
6	Phạm Như Thành	Lộc Tấn, Lộc Ninh	Thức ăn bổ sung Vitamin, canxi cho gia súc, gia cầm CALCI ADE/TACN-06, NSX: 06/12/21, HSD: 06/12/2023	Công ty OTAH	Vitamin A	200.000UI	102.716UI	51,366	15	Không Đạt

* Ghi chú: Độ dao động cho phép (\pm %) theo Nghị định 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 21/01/2020: Protein là 4%, Lysine là 15%.
TAHH: Thức ăn hỗn hợp.





UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

Kết quả phân tích mẫu thuốc thú y

(Kèm theo Kết luận số 09/KL-SNN-TTr ngày 21/10/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Tên cơ sở lấy mẫu	Địa chỉ (xã, huyện)	Tên mẫu/Ký hiệu mẫu	Tên công ty sản xuất	Chỉ tiêu phân tích	Hàm lượng ghi trên nhãn	Hàm lượng phân tích	Tỷ lệ phân tích (%)	Kết luận
1	Tuyết Mai	T.Tr Chơn Thành, Chơn Thành	Bio-Anticoc/TTY-01, Lô: 0301453, NSX: 18/02/22, HSD: 18/02/24	Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie	Sulfadimidine (g/100g)	21,3	21,8	102,35	Đạt
2	Kim Liên III	Tân Khai, Hớn Quản	Nova-Colispec/TTY-02, LSX: 1240622, NSX: 16/6/2022, HSD: 16/6/2024	Công ty liên doanh TNHH ANOVA	Amoxycillin (g/100ml)	15	15	100	Đạt
3	Hồ Duy Sang	Đức Phong, Bù Đăng	Flordox 20 đặc trị thương hàn, toi, hen, viêm phổi/TTY-03, NSX: 22/01/2022, HSD: 22/01/2025	Công ty Anvet pharma JSC	Flofenicol (g/100ml)	10	9,8g	98	Đạt
4	TTY Nam	Thanh Lương, Bình Long	NP-Levasol/TTY-04, Lô SX: 301, NSX: 01/6/2022, HSD: 01/6/2024	Công ty Napha	Levamisol HCl (g/100ml)	7,5	7,01	93,47	Đạt
5	Nguyễn Quốc	Thanh Lương, Bình Long	Phar-Moxycla/TTY-05, LSX: T2670821, NSX: 15/8/2021, HSD: 15/8/2023	Công ty TTY Việt Nma	Amoxicillin trihydrate (g/20ml)	2,8	2,64	94,29	Đạt

* Ghi chú: Giới hạn cho phép $\pm 10\%$.